

I. Giảm lược mệnh đề tính ngữ

Có những kiểu giảm lược chính: **V-ing/ Ved (P_{II}); to V; cụm danh từ/ cụm giới từ.**

Mục đích: làm câu văn trở nên súc tích hơn, tránh rườm rà.

1. Giảm lược về động tính từ V-ing; Ved

- **Động tính từ hiện tại (Hiện tại phân từ): V-ing:** mang nghĩa chủ động (*the investing company*)
- **Động tính từ quá khứ (Quá khứ phân từ): Ved/ P_{II}:** mang nghĩa bị động (*the invested company*)

Lưu ý: cần phân biệt động tính từ hiện tại với danh động từ:

Learning English is very important.

Cách giảm lược:

- **Điều kiện giảm lược:** Sub=S
- **Cách giảm lược:**
 - ✓ **Bước 1 :bỏ Sub**
 - ✓ **Bước 2:**
 - Nếu V bắt đầu bằng tobe, bỏ tobe và giữ nguyên phần còn lại
 - Nếu V không bắt đầu bằng tobe, chuyển phần đầu của V thành V-ing

Chú ý: Nếu muốn phủ định thêm not vào trước cụm từ đó.

- Ví dụ giảm lược về dạng chủ động - V-ing

*The professional **who comes** from Viet Nam can speak English very well.*

→*The professional **coming** from Viet Nam can speak English very well.*

*The man **who is sitting** next to me is my uncle.*

→*The man **sitting** next to me is my uncle.*

*A truck **which was carrying** pipes has over turned.*

→*A truck **carrying** pipes has over turned.*

*The **man who didn't pay** attention to his work made a serious mistake.*

→*The **man not paying** attention to his work made a serious mistake.*

- Ví dụ giảm lược về dạng bị động - Ved(P_{II})

*The book **which is writen** by Mr.Tom is very interesting.*

→*The book **written** by Mr.Tom is very interesting.*

*The boy **who was injured** in the accident was taken to hospital.*

→*The boy **injured** in the accident was taken to hospital.*

2. Rút gọn về cụm động từ nguyên mẫu: *TO V-inf*

2.1. Điều kiện: Sub=S và N_{đbn} đi với các cụm thứ tự như: *the first, the second, the only, the last...* hoặc dạng *so sánh nhất*.

*He is **the last man who** left the class.*

→ *He is **the last man to** leave the class.*

*She is **the only person who** understands this problem.*

→ *She is **the only person to** understand this problem.*

*You are **the youngest man who** won the award.*

→ *You are **the youngest man to** win the award.*

2.2. Khi IC, DC có cùng chủ ngữ, động từ của D_{cadj} có chứa ĐTKT.

Cấu trúc: *S + V + (O) + Sub + S + can/could/must/will + V.*

→ *S + V + (O) + to V-inf*

I have something that I must do.

→ *I have something to do.*

3. Giản lược tạo ra cụm giới từ, cụm danh từ

Điều kiện: khi sub=S; và động từ chính trong DC_{adj} là **tobe**.

3.1. Giản lược tạo ra **cụm giới từ**: trong **DC_{adj} xác định** có thể giản lược tạo ra cụm giới từ.

*The **book that is on the table** is very interesting.*

→ *The **book on the table** is very interesting.*

3.2. Giản lược tạo ra **cụm danh từ**: trong **DC_{adj} không xác định** có thể giản lược tạo ra cụm danh từ.

*Mr. Dat, **who is a teacher**, traveled through Viet Nam when he was 20 years old.*

→ *Mr. Dat, **a teacher**, traveled through Viet Nam when he was 20 years old.*